

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và các Công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn) hanh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu từ năm 1996, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy đăng ký điều chỉnh khác.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội : Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Văn Phòng Đại Diện Đà Nẵng: 15 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

Sản xuất , lắp ráp đặt, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, bị tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy Fax, tổng đài FABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web. Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (Không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (Thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng vi tính (Thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và các công nghệ truyền thông)./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

3. Thành viên của Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Võ Hùng Anh	Phó Tổng Giám Đốc Tổng vụ

4. Thành viên của Ban Kiểm Soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm Soát trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Mai Thúy Mai	Trưởng ban
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. **Đánh giá tình hình kinh doanh**

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

6. **Cam kết của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

7. **Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 cho Tập đoàn.

8. **Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

Số: 09.112/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**


LUC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN


NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.494.385.310	106.682.731.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.728.730.406	6.785.435.579
1. Tiền	111		17.728.730.406	6.785.435.579
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		122.764.269.111	53.750.032.976
1. Phải thu khách hàng	131		116.590.119.622	43.943.786.001
2. Trả trước cho người bán	132		5.650.717.100	8.462.373.273
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		523.432.389	1.343.873.702
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	5.2	48.810.406.558	39.365.073.506
1. Hàng tồn kho	141		48.810.406.558	39.365.073.506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.190.979.235	6.782.189.748
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.190.647.907	106.894.386
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.615.998.613	280.854.776
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.299.098	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	8.373.033.617	6.394.440.586

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.014.670.332	31.503.155.399
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		34.978.289.262	19.372.780.422
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4(a)	13.378.851.257	7.353.795.188
- Nguyên giá	222		21.761.324.233	12.659.130.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.382.472.976)	(5.305.335.807)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.4(b)	11.773.765.352	11.963.760.511
- Nguyên giá	228		12.635.116.530	12.501.335.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(861.351.178)	(537.574.569)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.4(c)	9.825.672.653	55.224.723
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.972.493.800	11.498.420.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.5	2.972.493.800	10.204.420.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			1.294.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Đầu tư dài hạn khác	270		4.063.887.270	631.954.977
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		3.492.331.194	631.954.977
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278		571.556.076	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		244.509.055.642	138.185.887.208

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		187.101.327.426	87.912.585.996
I. Nợ ngắn hạn	310		182.873.786.205	81.227.400.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.6(a)	71.835.774.597	47.827.358.425
2. Phải trả người bán	312		77.986.187.834	13.088.118.826
3. Người mua trả tiền trước	313		18.540.729.885	15.347.792.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	10.307.701.439	2.377.084.110
5. Phải trả người lao động	315		1.748.746.478	1.316.255.299
6. Chi phí phải trả	316		1.156.878.025	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.8	1.297.767.947	1.270.791.816
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		4.227.541.221	6.685.185.185
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.6(b)	4.222.222.221	6.685.185.185
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.319.000	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.729.319.897	50.158.151.574
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.729.319.897	50.158.151.574
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.9(b)	37.563.790.000	37.563.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.9(a)	7.960.553.900	7.960.553.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.9(a)	356.100.733	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.9(a)	525.710.169	93.419.877
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.9(a)	7.323.165.095	4.190.509.569
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.678.408.319	115.149.638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		244.509.055.642	138.185.887.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.080,22	280,51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		391.953.212.223	216.673.462.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.116.500	1.607.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		391.934.095.723	216.671.855.161
4. Giá vốn hàng bán	11		314.855.285.095	175.408.868.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77.078.810.628	41.262.986.694
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	7.884.098.166	317.238.943
7. Chi phí tài chính	22	6.2	15.632.363.314	4.655.638.939
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.917.682.644	4.218.621.898
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	22.160.320.675	15.648.601.806
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	31.332.208.515	15.737.761.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		15.838.016.290	5.538.223.776
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.245.989.648	4.086.174.016
12. Chi phí khác	32	6.6	862.189.724	4.039.057.293
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		383.799.924	47.116.723
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		(746.456.192)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		15.475.360.022	5.585.340.499
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.7	4.328.957.649	1.596.564.511
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		11.146.402.373	3.988.775.988
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			10.986.928.078	3.983.626.350
17.2. Lợi nhuận của cổ đông thiểu số			159.474.295	5.149.638
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.9(e)	2.925	1.530

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ THỊ HỒNG HẠNH



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		455.472.089.144	327.368.680.553
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(416.598.101.626)	(327.655.942.537)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.286.137.592)	(15.363.234.853)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(10.548.837.112)	(4.218.621.898)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.935.351.970)	(1.195.873.761)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.230.670.187	6.406.082.330
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.754.066.140)	(10.918.754.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		(13.419.735.109)	(25.577.664.522)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(13.911.909.869)	(5.090.032.129)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		54.343.365	6.621.177.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.424.530.000)	(11.428.420.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.430.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.153.516	8.876.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	30		(10.676.942.988)	(9.888.397.833)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.339.917.500	28.798.475.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(89.917.500)	(7.450.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		163.239.220.879	112.639.839.570
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(125.959.551.195)	(93.218.799.767)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.489.696.760)	(1.419.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		35.039.972.924	39.349.614.803
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.943.294.827	3.883.552.448
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	6.785.435.579	2.901.883.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	17.728.730.406	6.785.435.579

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Hoạt động chính

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là cổ phần công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu từ năm 1996, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 và các giấy đăng ký điều chỉnh khác.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: số 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng: 15 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80 tỷ đồng.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, lắp ráp đặt, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, bị tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy Fax, tổng đài FABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông - mạng viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web. Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (Không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (Thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng vi tính (Thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và các công nghệ truyền thông)./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở phương pháp vốn chủ sở hữu.

b. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính được hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất sau:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty mẹ (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỷ lệ cổ phần do Công ty mẹ nắm giữ (ĐVT: %)	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH tư vấn và đào tạo Netpro	4.950.000	4.950.000	99	99
CTCP Công nghệ mạng và thông tin Việt	2.940.000	2.940.000	98	98
CTCP Giải pháp Kinh doanh Sao Bắc Đầu	2.600.000	980.000	52	49
CTCP Giải pháp Quản lý Tích hợp Sao Bắc Đầu	1.224.000	1.224.000	51	51

Công ty cổ phần Giải pháp Quản lý Tích hợp Sao Bắc Đầu (SIMS) được thành lập trong năm 2007 và báo cáo tài chính năm đầu tiên từ ngày 1 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty này từ ngày 1 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại CTCP CN Sao Bắc Đầu (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỷ lệ cổ phần do CTCP CN Sao Bắc Đầu nắm giữ (ĐVT: %)	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
CTCP Skills Group	224.420	224.420	49,00	35
CTCP Công nghệ mạng Việt Thành Công	3.000.000	-	41,67	-

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của CTCP Skills Group và CTCP Công nghệ mạng Việt Thành Công chưa được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho tại Công ty mẹ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho tại các Công ty con được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tập đoàn chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tập đoàn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.5. Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 15 năm	5 – 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 5 năm	3 - 5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 – 5 năm	2 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm	3 năm

4.6. Chi phí đi vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.7. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.8. Các khoản phải trả

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập theo điều lệ hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.

4.11. Thuế

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngoài ra, theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài Chính, Tập đoàn thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế TNDN phải nộp của năm 2009.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.835.961.081	1.636.096.204
Tiền gửi ngân hàng	15.892.769.325	5.896.130.965
Tiền đang chuyển	-	(746.791.590)
Tổng cộng	<u>17.728.730.406</u>	<u>6.785.435.579</u>

5.2. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	12.913.332	-
Hàng hóa	48.797.493.226	39.365.073.506
Cộng giá gốc hàng tồn kho	48.810.406.558	39.365.073.506
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>48.810.406.558</u>	<u>39.365.073.506</u>

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	2.971.434.015	2.916.931.286
Thế chấp, ký quỹ ngắn hạn	5.398.599.602	3.477.509.300
Khác	3.000.000	-
Tổng cộng	<u>8.373.033.617</u>	<u>6.394.440.586</u>

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

<u>Nguyên giá</u>	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	4.159.928.073	7.416.432.116	362.572.832	720.197.974	-	12.659.130.995
Mua trong kỳ	808.612.438	4.161.924.965	2.910.689.856	1.487.974.327	716.184.837	10.085.386.423
Tăng do hợp nhất	-	-	-	177.660.220	-	177.660.220
Đầu tư XD/CB	-	-	-	-	-	-
hoàn thành	-	-	-	(58.405.196)	-	(444.668.568)
Thanh lý nhượng bán	-	(386.263.372)	-	-	-	(716.184.837)
Giảm khác	-	-	-	-	(716.184.837)	(716.184.837)
Số dư cuối năm	4.968.540.511	11.192.093.709	3.273.262.688	2.327.427.325	-	21.761.324.233

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	346.660.665	4.529.222.357	70.500.276	358.952.509	-	5.305.335.807
Khấu hao trong năm	316.258.727	2.065.014.410	294.326.684	459.752.785	51.333.800	3.186.686.406
Tăng do hợp nhất	-	-	-	131.473.720	-	131.473.720
Giảm khác	-	(143.981.269)	-	(45.707.888)	(51.333.800)	(241.022.957)
Số dư cuối năm	662.919.392	6.450.255.498	364.826.960	904.471.126	-	8.382.472.976

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	3.813.267.408	2.887.209.759	292.072.556	361.245.465	-	7.353.795.188
Số dư cuối năm	4.305.621.119	4.741.838.211	2.908.435.728	1.422.956.199	-	13.378.851.257

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.707.782.449 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 6.964.819.768 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

b. Tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Tổng cộng</i>
<u>Nguyên giá</u>			
Số dư đầu năm	11.516.569.200	984.765.880	12.501.335.080
Mua sắm mới	-	133.781.450	133.781.450
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>11.516.569.200</u>	<u>1.118.547.330</u>	<u>12.635.116.530</u>
<u>Khấu hao lũy kế</u>			
Số dư đầu năm	-	537.574.569	537.574.569
Khấu hao trong năm	-	323.776.609	323.776.609
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	<u>861.351.178</u>	<u>861.351.178</u>
<u>Giá trị còn lại</u>			
Số dư đầu năm	<u>11.516.569.200</u>	<u>447.191.311</u>	<u>11.963.760.511</u>
Số dư cuối năm	<u>11.516.569.200</u>	<u>257.196.152</u>	<u>11.773.765.352</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp cho các khoản vay ngân hàng: 11.516.569.200 đồng.

c. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu Chế Xuất Tân Thuận	9.810.201.346	-
- Tiền thuê đất	8.975.326.000	-
- Chi phí lãi vay	834.875.346	-
Khác	<u>15.471.307</u>	<u>55.224.723</u>
Tổng cộng	<u>9.825.672.653</u>	<u>55.224.723</u>

Theo Giao ước số 175/TTC-NV.07 ngày 27/11/2007 với Công ty TNHH Tân Thuận, Công ty thuê lô đất U.12b-16a, đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, tổng giá trị tiền thuê trong 34 năm là 1.080.000 USD. Đến ngày 31/12/2008 Công ty đã thanh toán 50% giá trị giao ước (tương đương 540.000 USD), số tiền còn lại được thanh toán trong 5 năm với lãi suất 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Vốn gốc	Hợp nhất quyền lợi	Cuối năm
CTCP Mạng Việt Thành Công	3.000.000.000	(638.274.962)	2.361.725.038
CTCP Skill Group	<u>718.950.000</u>	<u>(108.181.238)</u>	<u>610.768.762</u>
Tổng cộng	<u>3.718.950.000</u>	<u>(746.456.200)</u>	<u>2.972.493.800</u>

5.6. Vay

a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	70.428.367.190	46.419.951.018
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>1.407.407.407</u>	<u>1.407.407.407</u>
Tổng cộng	<u>71.835.774.597</u>	<u>47.827.358.425</u>

Các khoản vay ngắn hạn là khoản vay tại các ngân hàng và vay cá nhân với lãi suất từ 0,95%/tháng đến 1,35%/tháng đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và 0,53%/tháng đến 0,78%/tháng đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho, các khoản phải thu và tài sản cố định có giá trị còn lại là 2.676.791.980 đồng.

b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay dài hạn	5.629.629.628	8.092.592.592
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(1.407.407.407)</u>	<u>(1.407.407.407)</u>
Tổng cộng	<u>4.222.222.221</u>	<u>6.685.185.185</u>

Vay dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng HSBC với lãi suất từ 0,95%/tháng đến 1,75%/tháng đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 15.804.596.988 đồng.

Khoản vay đến hạn trả trong năm 2009 có số tiền là 1.407.407.407 đồng – xem thêm mục 5.6(a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	4.705.464.371	1.012.750.626
Thuế nhập khẩu	1.229.400.733	119.015.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.960.191.879	931.533.767
Thuế thu nhập cá nhân	412.644.456	313.784.256
Tổng cộng	<u>10.307.701.439</u>	<u>2.377.084.110</u>

5.8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán (chưa có hóa đơn)	-	1.126.627.730
Bảo hiểm XH, BHYT và KPCĐ	386.660.092	144.164.086
Doanh thu nhận trước	800.960.255	-
Phải trả khác	110.147.600	-
Tổng cộng	<u>1.297.767.947</u>	<u>1.270.791.816</u>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa pp	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng	Vốn chủ sở hữu thuộc về lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	-	349.878.228	129.288.777	1.798.540.000	(998.000)	20.276.709.005	-	20.276.709.005
LN đầu kỳ của Công ty con	19.563.790.000	7.960.553.900			(156.621.497)		(156.621.497)		(156.621.497)
Vốn tăng trong năm trước							27.524.343.900	110.000.000	27.634.343.900
Bổ sung vốn trong năm trước					3.988.775.988		3.988.775.988		3.988.775.988
Lợi nhuận trong năm trước					(1.419.900.000)		(1.419.900.000)		(1.419.900.000)
Chia cổ tức									
Trích lập quỹ				(35.868.900)		(4.074.000)	(39.942.900)		(39.942.900)
Sử dụng quỹ					(5.149.638)		(5.149.638)	5.149.638	-
Lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số					(15.135.284)	5.072.000	(10.063.284)		(10.063.284)
Khác									
Số dư đầu năm nay	37.563.790.000	7.960.553.900	349.878.228	93.419.877	4.190.509.569	-	50.158.151.574	115.149.638	50.273.301.212
LN đầu kỳ của các Công ty con			11.607.365		(48.394.026)		(36.786.661)	3.426.000.000	3.389.213.339
Lợi nhuận trong năm nay					10.986.928.070		10.986.928.070	159.474.295	11.146.402.365
Chia cổ tức					(7.402.681.000)		(7.402.681.000)		(7.402.681.000)
Trích lập quỹ			545.814.190		(545.814.190)		-		-
Sử dụng quỹ			(113.523.898)				(113.523.898)		(113.523.898)
Lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số			(5.384.860)		27.600.474		22.215.614	(22.215.614)	-
Khác					115.016.198		115.016.198		115.016.198
Số dư cuối năm nay	37.563.790.000	7.960.553.900	356.100.733	525.710.169	7.323.165.095	-	53.729.319.897	3.678.408.319	57.407.728.216

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông sáng lập	19.586.900.000	52,14	19.367.500.000	51,56
Cổ đông khác	17.976.890.000	47,86	18.196.290.000	48,44
Tổng cộng	<u>37.563.790.000</u>	<u>100,00</u>	<u>37.563.790.000</u>	<u>100,00</u>

c. Cổ tức

Cổ tức đã chia trong năm 2008 như sau:

	<i>Số tiền</i>
Chi cổ tức năm 2007 (14%)	3.646.302.000
Tạm ứng cổ tức năm 2008 (11%)	<u>3.756.379.000</u>
Tổng cộng	<u>7.402.681.000</u>

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.756.379	3.756.379
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.756.379	3.756.379
+ Cổ phiếu phổ thông	3.756.379	3.756.379
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.756.379	3.756.379
+ Cổ phiếu phổ thông	3.756.379	3.756.379
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông Tập đoàn. Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn	10.986.928.078	3.983.626.350
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>3.756.379</u>	<u>2.603.975</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	<u>2.925</u>	<u>1.530</u>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	7.200.000.000	-
Khác	<u>684.098.166</u>	<u>317.238.943</u>
Tổng cộng	<u>7.884.098.166</u>	<u>317.238.943</u>

6.2. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.917.682.644	4.218.621.898
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.703.329.894	437.017.041
Khác	<u>11.350.776</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>15.632.363.314</u>	<u>4.655.638.939</u>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	9.746.062.608	8.147.084.194
Chi phí vật liệu bao bì	14.719.294	21.673.600
Chi phí công cụ dụng cụ	37.062.391	289.454.344
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.959.476	-
Chi phí thuê giảng viên	1.189.594.704	28.900.000
Chi phí cộng tác viên	82.378.170	
Chi phí khấu hao	588.635.525	172.920.045
Chi phí bảo hành	233.186.180	212.070.887
Chi phí đi lại	-	23.403.000
Chi phí quảng cáo tiếp thị	154.943.850	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.267.216.251	465.141.567
Chi phí Pre – Sale	3.206.386.161	1.875.051.120
Chi phí thưởng doanh số bán hàng	-	392.411.808
Chi phí bằng tiền khác	<u>5.432.176.065</u>	<u>4.020.491.241</u>
Tổng cộng	<u>22.160.320.675</u>	<u>15.648.601.806</u>

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.077.065.229	7.312.377.687
Chi phí công cụ quản lý	1.195.654.025	1.062.589.845
Chi phí đồ dùng VP	473.962.037	356.038.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.155.997.047	2.529.002.450
Chi phí thuế, phí, lệ phí	291.663.822	7.775.200
Chi phí thành lập doanh nghiệp	343.317.353	-
Chi phí dự phòng	240.402.115	-
Chi phí chuyển tiền	-	55.967.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.163.330.733	2.288.947.618
Chi phí bằng tiền khác	<u>4.390.816.154</u>	<u>2.125.062.473</u>
Tổng cộng	<u>31.332.208.515</u>	<u>15.737.761.116</u>

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	54.343.365	2.629.702.822
Thưởng từ Công ty Cisco	804.763.187	1.223.796.214
Hoàn nhập chi phí	171.463.115	-
Thu nhập khác	<u>215.419.981</u>	<u>232.674.980</u>
Tổng cộng	<u>1.245.989.648</u>	<u>4.086.174.016</u>

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	43.205.376	4.038.782.896
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	289.064.440	-
Xử lý nợ khó đòi	229.711.106	-
Chi phí khác	300.208.802	274.397
Tổng cộng	862.189.724	4.039.057.293

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	4.328.957.649	1.563.895.340
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	32.669.171
Tổng cộng	4.328.957.649	1.596.564.511

7. Những thông tin khác

7.1. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2009.

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN